

1.1 Tạo kịch bản kiểm thử tự động

1.1.1 Tổng quan về tạo mới kịch bản kiểm thử

Sau khi thiết lập xong dự án, bước tiếp theo là tạo kịch bản kiểm thử tự động. Khi tạo mới kịch bản kiểm thử, hệ thống sẽ yêu cầu nhập các thông tin metadata cơ bản như mã, tên và các bước kiểm thử. **Centralize Automation Testing Suite** áp dụng phương pháp cấu hình dựa trên *từ khóa (KEYWORD)*, trong đó mỗi kịch bản kiểm thử bao gồm các từ khóa biểu thị hành động của người dùng trên ứng dụng/phần mềm cần kiểm thử.

Hệ thống cung cấp 2 phương pháp để tạo kịch bản kiểm thử:

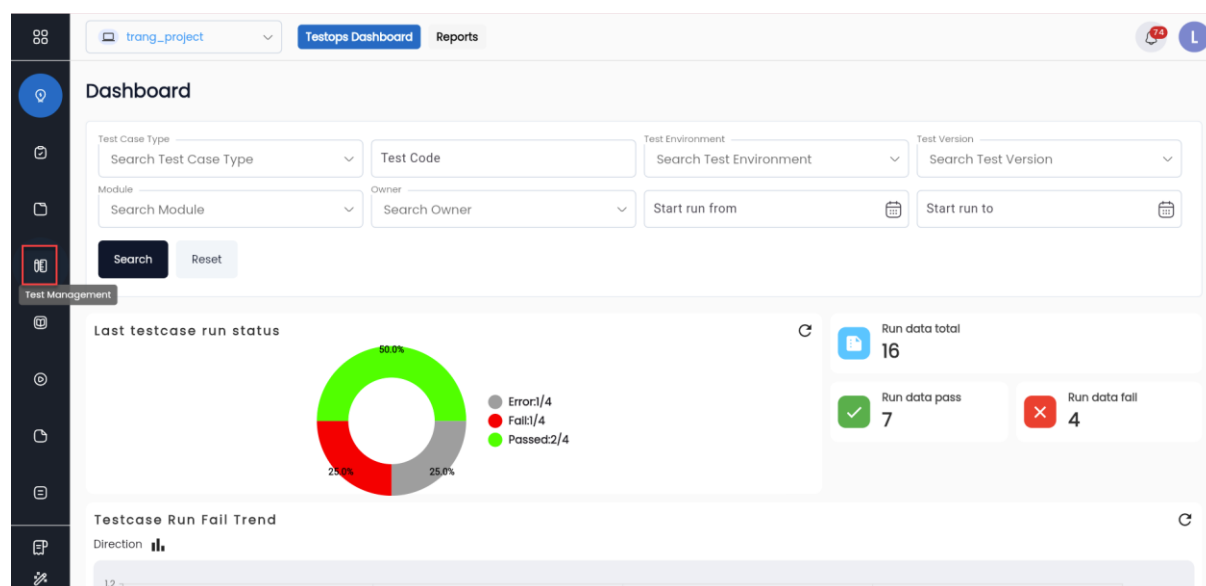
- + [Tạo kịch bản kiểm thử thủ công](#): tạo trực tiếp trên **Centralize Automation Testing Suite**
- + [Tạo kịch bản kiểm thử tự động](#): import file excel danh sách các kịch bản kiểm thử lên **Centralize Automation Testing Suite**

Phần này hướng dẫn người dùng cách tạo một kịch bản kiểm thử thủ công.

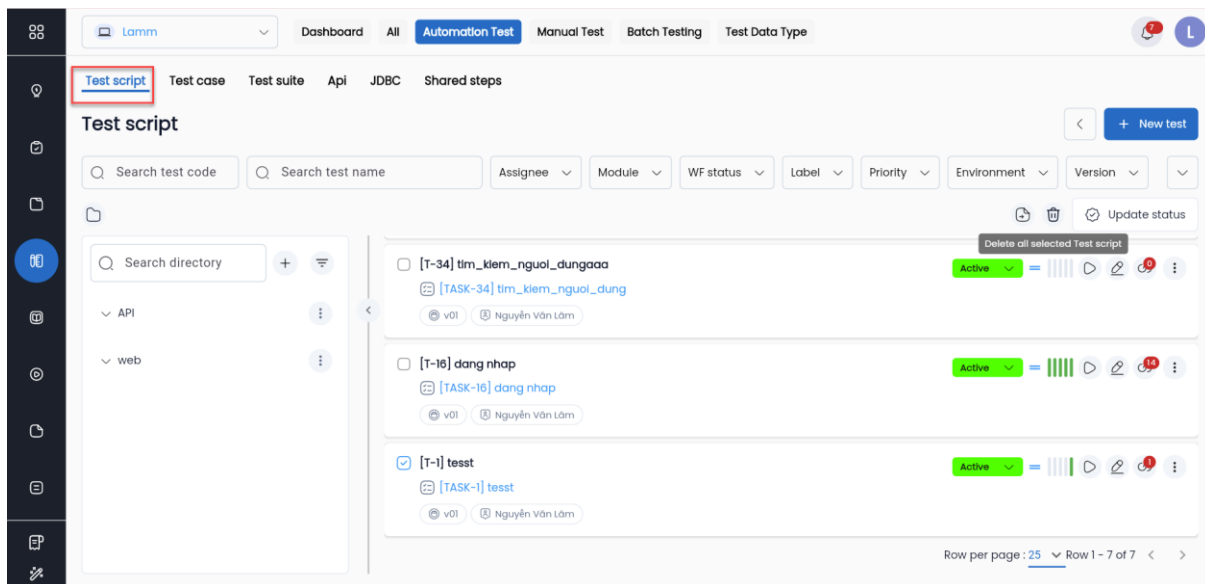
1.1.2 Tạo kịch bản kiểm thử tự động thủ công

Để tạo mới một kịch bản kiểm thử trực tiếp trên hệ thống, thực hiện các bước như sau:

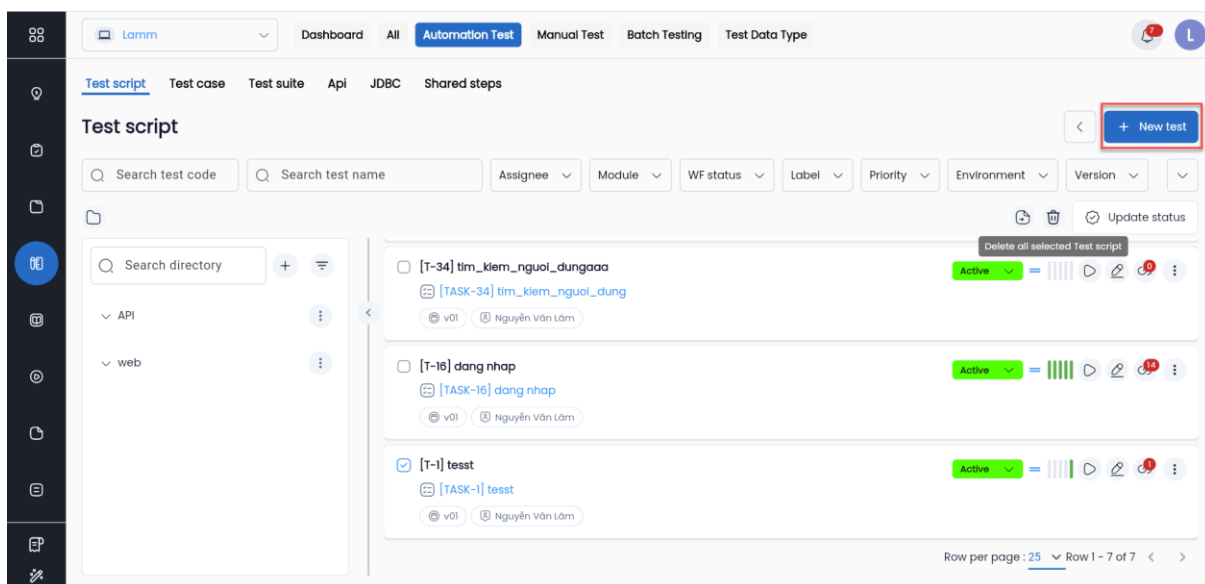
Bước 1: Nhấn **Test Management** trên thanh menu của dự án:



Bước 2: Nhấn chọn tab **Test script**



Bước 3: Nhấn “New test”,



Hệ thống hiển thị màn hình **CREATE TEST SCRIPT**, tab **Metadata**

Bước 4: Nhập chính xác, đầy đủ các thông tin vào form tạo Test script mới (tab **Metadata**)

- Mô tả các trường thông tin

Tên trường	Bắt buộc	Định dạng	Ràng buộc	Mô tả
Description	Không	Textbox		Thêm mô tả của kịch bản kiểm thử
Directory	Không	Button	Danh sách các directory thuộc loại test đang được chọn	Thư mục chứa kịch bản kiểm thử giúp người dùng quản lý, theo dõi dễ dàng hơn. Cách chọn directory
Type	Có	Textbox		Là tên của kịch bản kiểm thử
Directory	Không	Button	Hiển thị danh sách các directory thuộc	Là thư mục chứa kịch bản kiểm thử giúp người dùng

Tên trường	Bắt buộc	Định dạng	Ràng buộc	Mô tả
			loại test đang chọn	quản lý, theo dõi dễ dàng hơn. Chọn 1 directory người dùng muốn lưu test. Cách chọn 1 directory
Type	Có	Combobox		Là phân loại kịch bản kiểm thử, giá trị lựa chọn bao gồm: + Test case + Test script + Test suite + Test manual + JDBC + Api + Shared steps + Test data type <i>Hệ thống mặc định giá trị này theo loại đang tạo mới</i>
Test code	Không	Textbox	Duy nhất, tối thiểu 2 ký tự, bắt đầu bằng chữ cái, chỉ gồm a-z, số, _, -	Mã định danh của kịch bản kiểm thử. Nếu không nhập, hệ thống tự sinh theo công thức T-STT (ví dụ: T-1).

Tên trường	Bắt buộc	Định dạng	Ràng buộc	Mô tả
Test name	Có	Textbox		Tên của kịch bản kiểm thử
Test priority	Có	Combobox		Mức độ ưu tiên thực hiện của kịch bản kiểm thử. Kịch bản kiểm thử có mức độ ưu tiên cao sẽ được thực hiện trước. Giá trị gồm: + Highest + High + Medium + Low + Lowest
Module	Có	Combobox	Danh sách module ở trạng thái active của dự án	Module là một thành phần độc lập trong hệ thống, đảm nhiệm chức năng cụ thể và có thể phát triển, kiểm thử riêng biệt.
Version	Không	Combobox	Danh sách version ở trạng thái active	Phiên bản thể hiện mốc thay đổi của phần mềm trong quá trình phát triển và phát hành.
Environment	Có	Combobox	Danh sách môi trường ở trạng thái active	Là môi trường hệ thống nơi phần mềm được triển

Tên trường	Bắt buộc	Định dạng	Ràng buộc	Mô tả
				khai để kiểm thử hoặc vận hành, như dev, uat, staging...
Label	Không	Button		Gắn nhãn cho kịch bản kiểm thử
Primary platform	Có	Combobox		Nền tảng hoạt động của ứng dụng đang được kiểm thử
Purpose	Không	Textarea		Mục đích của kịch bản kiểm thử tự động
Precondition	Không	Textarea		Điều kiện tiên quyết để thực hiện kịch bản kiểm thử.
Test steps	Không	Textarea		Các bước tiến hành trong kịch bản kiểm thử.
Expect result	Không	Textarea		Kết quả mong đợi sau khi thực hiện kịch bản kiểm thử.
Test data	Không	Textbox		Dữ liệu sử dụng trong quá trình kiểm thử.
Task code	Không	Textbox	Nếu nhập: duy nhất, tối thiểu 2 ký tự, bắt đầu bằng chữ cái,	Mã nhiệm vụ kiểm thử. Nếu không nhập, hệ thống tự

Tên trường	Bắt buộc	Định dạng	Ràng buộc	Mô tả
			chỉ gồm a-z, A-Z, số, -,	sinh theo công thức T-STT
Task name	Có	Textbox		Tên nhiệm vụ kiểm thử
Task priority	Không	Combobox		Mức độ ưu tiên của nhiệm vụ. Nhiệm vụ có mức độ ưu tiên cao sẽ được thực hiện trước. Giá trị bao gồm: + Highest + High + Medium + Low + Lowest
Task status	Không	Textbox		Trạng thái của nhiệm vụ. Giá trị này sẽ tương ứng với workflow của kịch bản kiểm thử. Khi tạo mới sẽ mặc định là Draft.
Task difficulty	Không	Combobox		Độ khó của nhiệm vụ. Giá trị bao gồm: + Very Hard + Hard

Tên trường	Bắt buộc	Định dạng	Ràng buộc	Mô tả
				+ Medium + Easy + Very Easy
Assign to	Không	Button		Người chịu trách nhiệm thực hiện kịch bản kiểm thử
Scheduled start date	Không	DateTime		Ngày kịch bản kiểm thử được lên kế hoạch để bắt đầu
Due Date	Không	DateTime		Ngày kết thúc kịch bản kiểm thử

Bước 5: Nhấn **Save**. Hệ thống hiển thị thông báo “**Create successful**”. Lưu kịch bản kiểm thử thành công. Hệ thống điều hướng đến màn hình cấu hình kịch bản kiểm thử.

1.1.3 Cách chọn Directory

[Quản lý test script theo directory](#)

Để chọn một directory trong quá trình tạo mới kịch bản kiểm thử, thực hiện các bước như sau:

Bước 1: Tại form tạo mới kịch bản kiểm thử (tab **Metadata**), nhấn chọn **Directory**

VCB Digibank

Root

CREATE TEST SCRIPT

Description

Add a description...

Metadata Clients Parameters Output Test case Test runs Issue Comment

Directory

Root

Change directory

Information

Task code Task code

Task name Task name

Task priority Task priority

Task difficulty Medium

Summary

Type Test script

Test code Test code

Save Cancel

Bước 2: Hệ thống hiển thị danh sách các directory, tích chọn 1 directory phù hợp, nhấn OK.

Directory

Select a directory

Search directory name

☒ Root directory

☐ Android

Trần Quyết Chiến 28-05-2025

☐ > iOS

Nguyễn Anh Toại 06-02-2025

☐ > WEB

Nguyễn Vũ Mai Anh 20-02-2025

Row per page: 5 Row 1 - 3 of 3

Lưu ý:

Nếu người dùng muốn chọn thư mục con của một thư mục thì bấm vào thư mục đó

Directory ×

Select a directory

Search directory name

← IOS

☐ Chuyển tiền trong nước
Đào Khánh Huyền 06-02-2025

☐ > Tiết kiệm
Nguyễn Anh Toại 06-02-2025

Row per page : 5 Row 1 - 2 of 2 < >

OK

1.1.4 Cách gắn label

Để gắn label trong quá trình tạo mới kịch bản kiểm thử, thực hiện như sau:

Bước 1: Tại form tạo mới (tab Metadata), nhấn vào trường thông tin **Label**

VCB Digibank

Root

CREATE TEST SCRIPT

Description

Add a description...

Metadata

Clients

Parameters

Output

Test case

Test runs

Issue

Comment

IOS_V0.0.4

Environment

PRJ-UAT

Label

Primary platform

Web

Purpose

Scheduled start date

Scheduled start date

Due date

Due date

Save

Cancel

Hệ thống hiển thị danh sách các **label** ở trạng thái Active của dự án

Bước 2: Nhấn vào tên các label muốn gắn cho kịch bản kiểm thử

Root

CREATE TEST SCRIPT

Description

Add a description...

Metadata Clients Parameters Output Test case Test runs Defect Comment History

Environment PRJ-test01

Label new_label_12 test_add

Purpose Card test test duplicate test Xóa khỏi version nào xxx Test 12345 positive test 3

Due date Due date

Save Cancel